Biểu mẫu 09

PHÒNG GD&ĐT TAM NÔNG
TRƯỜNG THCS TRÀM CHIM

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS Tràm Chim năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Tuyển sinh theo qui định	Tiếp tục học lên lớp cao hơn		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình theo qui định của Sở, PhòngGD&ĐT và TTCM đề xuất BGH gồm 37 tuần:. HKI: 19 Tuần; HKII: 17 tuần			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ ba môi trường GD: NT-GĐ-XH, GVCN và GVBM phối hợp trong rèn luyện và học tập - Rèn luyện ý thức, nề nếp học tập của học sinh, .			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức câu lạc bộ. Hoạt động TNST, NCKH - Ngoại khóa, trò chơi dân gian, về nguồn - HĐNGLL. -GD hướng nghiệp			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe củ học sinh dự kiến đạt được.	Dạy học theo hướng phát triển phẩm chất năng lực người học. Kết quả đạt được là đủ kiến thức và rèn luyện tốt hạnh kiểm theo TT/58/BGD về việc đánh giá XLHS. Cụ thể: Học lực: Giỏi: 21%; Khá: 41%; TB: 36%; - Hạnh kiểm: Tốt: 90%; Khá: 8%; TB: 2%. - Khám sức khỏe đầu năm; Đủ sức khỏe.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Khối 6, 7, 8 đủ điều kiện lên lớp 97% - Khối 9 đủ điều kiện xét công nhận TN. 100% Trúng tuyển lớp 10 trên 98 %			

Tràm Chim, ngày 16 tháng 10 năm 2018
Thủ trưởng đơn vị

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TAM NÔNG - ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÀM CHIM

Phạm Thành Công

Biểu mẫu 10

PHÒNG GD&ĐT TAM NÔNG
TRƯỜNG THCS TRÀM CHIM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục của trường THCS Tràm Chim
Năm học: 2018-2019

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**1136**	**323**	**304**	**249**	**260**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**973**	87.31 %	85.20 %	83.13 %	86.54 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**143**	12.38 %	10.53 %	14.46 %	13.46 %
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**20**	0.31%	4.28%	2.41%	0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0%	0%	0%	0%
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**1136**	**323**	**304**	**249**	**260**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**248**	18.58 %	21.71 %	21.29 %	26.54 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**385**	30.34 %	34.54 %	34.94 %	36.54 %
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**466**	43.96 %	41.12 %	41.37 %	36.92 %
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	**16**	4.33%	0.33%	0.40%	0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	**21**	2.79%	2.30%	2.01%	0%
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**1136**	**323**	**304**	**249**	**260**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**1133**	91.08 %	97.37 %	97.59 %	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**248**	18.58 %	21.71 %	21.29 %	26.54 %
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	**385**	30.34 %	34.54 %	34.94 %	36.54 %
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	**37**	6.33%	72.63 %	2.41%	0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	**4.5%**	4,3%	2,5%	1,1%	0,3%
5	Bị đuổi học					

	(tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**					
1	Cấp tỉnh/thành phố				16	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	**260**				100%
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**260**				100%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**69**				26.54 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**95**				36.54 %
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**96**				36.92 %
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập** (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập** (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**1136/666**	**323/185**	**304/122**	**249/150**	**260/119**
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**					

Tràm Chim, ngày 16 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H. TAM NÔNG T. ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÀM CHIM

Phạm Thành Công

Biểu mẫu 11

PHÒNG GD&ĐT TAM NÔNG
TRƯỜNG THCS TRÀM CHIM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Tràm Chim năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	19	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**	2	-
1	Phòng học kiên cố	19	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	08	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	30/19	-
8	Bình quân học sinh/lớp	37.8	-
III	**Số điểm trường**	01	-
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	19.117	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	12.117	
VI	**Tổng diện tích các phòng**	7.998	
1	Diện tích phòng học (m^2)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	72	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)		
3	Diện tích thư viện (m^2)	72	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)		
5	Diện tích phòng khác (….)(m^2)	48	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	**30**	
2	Khối lớp 7	**22**	
3	Khối lớp 8+9	**73**	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	**40**	-
5	…..		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	44	Số học sinh/bộ

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	05	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu	03	
5	Thiết bị khác…		
..	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	
XI	**Nhà ăn**	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	04		x		0.8
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**		x
XVII	**Kết nối internet (ADSL)**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (Cổng TT điện tử) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Tràm Chim, ngày 16 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÀM CHIM

Phạm thành công

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS TRÀM CHIM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông năm học 2018 - 2019

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	68		1	60	1	4	2	5						
I	**Giáo viên**														
	Trong đó số giáo viên dạy môn														
1	Toán			1	8	1			1	9		5	4		
2	Lý				3					3			3		
3	Hóa				2					2		1	1		
4	Sinh				5					5		1	4		
5	Sử				4					4		1	3		
6	Địa				3					3			3		
7	Văn				9					9		1	8		
8	GDCD				1					1			1		
9	Công nghệ				5				1	4			5		
10	Tin				1					1		1			
11	Thể dục				4				1	3		2	2		
12	Nhạc				2					2			2		
13	Mỹ thuật				2							1	1		
14	Tiếng Anh				5	1			1	5		1	5		
15	Khác TPT				1				1			1			
II	**Cán bộ quản lý**														
1	Hiệu trưởng				1					1					
2	Phó Hiệu trưởng				2					2					
III	**Nhân viên**														
1	Nhân viên Văn thư						1								

2	Nhân viên Kế toán				1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên Y tế						1									
5	Nhân viên Thư viên				1				1							
6	Nhân viên Thiết bị, Thí nghiệm						2									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															
8	Nhân viên công nghệ thông tin															
9	Khác							2								

Tràm Chim, ngày 16 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H. TAM NÔNG T. ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÀM CHIM

Phạm Thành Công